| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN QUẢNG TRẠCH**<br>**TỈNH QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc** |

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày 08-8-2022
"*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Ngọc Thực

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Võ Xuân Nghi

2. Bà Đậu Thị Phú

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Ngô Bá Tuấn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa***: Ông Tạ Phong Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19/12/2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị N; nơi ĐKHKTT: thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở hiện nay: thôn V, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Tường V; nơi ĐKHKTT: thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở hiện nay: thôn V, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Công ty X

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Anh H - Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thái T - Kế toán trưởng Công ty (theo văn bản ủy quyền số 749/PLXQB-UQ ngày 09/9/2019); địa chỉ: Số 118, đường H, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 16/8/2019, bản tự khai, biên bản phiên họp và hòa giải, nguyên đơn chị Đinh Thị N trình bày*: Về quan hệ hôn nhân thì giữa Chị và anh Nguyễn Tường V có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 28/3/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống đầm ấm hạnh phúc nhưng không được bao lâu thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vấn đề kinh tế, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Hiện tại chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, sống ly thân đã lâu, tình cảm không còn, không thể trở lại sống chung cùng nhau được vì vậy xin ly hôn đối với anh V để sớm ổn định cuộc sống bản thân.

Về quan hệ con chung: Theo chị N thì giữa vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 23/8/2005, Nguyễn Xuân G, sinh ngày 29/6/2012. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Xuân G và giao con chung Nguyễn Hữu T cho anh Nguyễn Tường V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày, giữa vợ chồng có tài sản chung là thửa đất số 14, tờ bản đồ số 45 và tài sản gắn liền tại thôn V, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, chị yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia; về nợ vợ chồng tự giải quyết.

*Tại bản tự khai, biên bản phiên họp và hòa giải, bị đơn anh Nguyễn Tường V trình bày*: Về quan hệ hôn nhân thì giữa Anh và chị Đinh Thị N tìm hiểu, đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 28/3/2005. Sau khi kết hôn cuộc sống chung hạnh phúc không được bao lâu thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế, tiền bạc trong gia đình, chị N vay nợ những khoản vay không rõ mục đích, không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Hiện tại mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, tình cảm không còn, không thể trở lại sống chung cùng nhau được vì vậy anh đồng ý ly hôn và nguyện vọng xin được ly hôn đối với chị N để sớm ổn định cuộc sống bản thân.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 23/8/2005, Nguyễn Xuân G, sinh ngày 29/6/2012. Sau

khi ly hôn, anh V có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con con chung và không yêu cầu chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh V trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng có nhận được quyền sử dụng thửa đất số 14, tờ bản đồ số 45 và ngôi nhà cấp 4 từ ông bà nội tại thôn V, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình ngoài ra vợ chồng không có tài sản chung gì. Các khoản nợ chung thì người thân của anh và anh đứng ra có trách nhiệm trả, có khoản nợ chung khác chưa trả. Chị N có nợ Công ty X thì chị N tự trả nợ. Anh V đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại bản tự khai, biên bản phiên họp và hòa giải và tại phiên tòa, đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, ông Nguyễn Thái Thủy trình bày:* Chị Đinh Thị N trong quá trình sau khi được bổ nhiệm Quyền Trưởng cửa hàng Xăng dầu Quảng Đông đã nhận hàng và nợ tiền hàng của Công ty là 902.969.412 đồng. Sau đó chị N đã thanh toán cho Công ty số tiền 22.030.588 đồng và còn nợ số tiền là 880.938.824 đồng. Công ty yêu cầu sau khi phân chia tài sản chung của vợ chồng chị N, anh V thì giá trị tài sản của chị N được bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Công ty tương ứng khoản tiền chị N còn nợ trên.

Từ sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, chị N tiếp tục thanh toán được cho Công ty số tiền 290.938.824 đồng. Như vậy, tổng số tiền chị N đã trả cho Công ty là 312.969.412 đồng, số tiền còn lại chưa trả là 590.000.000 đồng. Công ty rút một phần yêu cầu khởi kiện về khoản tiền nợ chị Đinh Thị N đã trả. Số tiền còn nợ đề nghị chị N thanh toán toàn bộ cho Công ty và không yêu cầu tính lãi.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân theo pháp luật tố tụng. Chị Đinh Thị N và anh Nguyễn Tường V vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt chị Đinh Thị N và anh Nguyễn Tường V.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 45 và Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 116, 440, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút của chị Đinh Thị N; về nghĩa vụ trả nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan có yêu cầu độc lập Công ty X. Buộc chị Đinh Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty X số tiền nợ là 590.000.000 đồng; Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Công ty X về khoản tiền nợ 312.969.412 đồng mà chị Đinh Thị N đã trả; về án phí sơ thẩm: Buộc chị Đinh Thị N phải chịu tiền án phí theo quy định để sung vào ngân sách nhà nước. Công ty X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đinh Thị N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi dưỡng con chung, chia tài sản chung vì vậy, xác định đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Đinh Thị N và anh Nguyễn Tường V vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt chị Đinh Thị N và anh Nguyễn Tường V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn đối với anh Nguyễn Tường V, quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và phân chia, giải quyết về tài sản chung, nợ chung và Tòa án đã thụ lý giải quyết vụ án theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án, giữa nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thống nhất, không thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Tòa án mở phiên tòa tuy nhiên do đương sự vắng mặt nên đã hoãn phiên tòa. Chị Đinh Thị N và anh Nguyễn Tường V có đơn trình bày, có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện. Việc rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, cưỡng bức và đến tại phiên tòa không thay đổi ý kiến, yêu cầu, đề nghị đó, vì vậy Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Đinh Thị N rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và anh Nguyễn Tường V thống nhất đồng ý nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút, tuy nhiên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu do vậy cần phải xác định nghĩa vụ trả nợ đối đối với khoản nợ này của Công ty X. Chị Đinh Thị N và Công ty xác định, chị N nợ Công ty số tiền là 902.969.412 đồng, sau đó chị N đã thanh toán cho Công ty số tiền là 22.030.588 đồng. Tại phiên họp ngày 27/9/2019, chị Đinh Thị N và đại diện Công ty cũng đã xác định, thống nhất được số tiền nợ. Chị Đinh Thị N còn nợ Công ty X số tiền là 880.938.824 đồng, Công ty không yêu cầu tính tiền lãi. Tuy nhiên, các bên không thống nhất được phương án trả nợ. Tại hồ sơ, tài liệu do Công ty cung cấp đều thể hiện việc làm ăn, nợ nần giữa chị N với Công ty và chị N, đại diện Công ty xác định đây là khoản nợ riêng của chị N với Công ty; đồng thời anh V cũng không

biết và không thừa nhận khoản nợ này là nợ chung của vợ chồng. Do là khoản nợ riêng nên chị Đinh Thị N phải có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán khoản nợ cho Công ty.

Tại phiên tòa, đại diện Công ty cung cấp sổ chi tiết công nợ phải thu. Xác định, sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì chị N tiếp tục thanh toán được cho Công ty số tiền 290.938.824 đồng. Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm, tổng số tiền chị N đã thanh toán cho Công ty là 312.969.412 đồng, số tiền còn lại chưa trả là 590.000.000 đồng. Do vậy, buộc chị Đinh Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty số tiền là 590.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút của nguyên đơn Công ty X về khoản tiền nợ gốc 312.969.412 đồng mà chị Đinh Thị N đã trả.

[4] Xét quan điểm, đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc chị Đinh Thị N phải chịu toàn bộ tiền án phí để sung vào ngân sách nhà nước. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 45 và Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 116, 440, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút của chị Đinh Thị N.

2. Về nghĩa vụ trả nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Công ty X

Buộc chị Đinh Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty X số tiền nợ là 590.000.000 đồng.

*"Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự".*

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Công ty X về khoản tiền nợ 312.969.412 đồng mà chị Đinh Thị N đã trả.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1. Buộc chị Đinh Thị N phải chịu 27.600.000 đồng tiền án phí để sung vào ngân sách nhà nước. Số tiền án phí chị N phải chịu trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí 18.000.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo biên lai thu số 0001400, ngày 28/8/2019. Chị Đinh Thị N còn phải nộp 9.600.000 đồng

4.2. Công ty X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.214.082 đồng, theo biên lai thu số 0001464 ngày 27/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

Báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Võ Ngọc Thực**